

PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

(kèm theo Thông tư số.../2025/TT-BNNMT ngày... tháng ... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
1. Phát thải khí nhà kính và hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính			
PT.1.1	Kết quả kiểm kê quốc gia khí nhà kính		
		Năm công bố	Năm công bố báo cáo kết quả kiểm kê
		Năm được kiểm kê	Năm có số liệu được thu thập phục vụ kiểm kê
		KNK được kiểm kê	CO ₂ , CH ₄ , N ₂ O, HFCs và Tổng CO ₂ đ
		Tổng phát thải/hấp thụ KNK của quốc gia	Đơn vị: tấn CO ₂ đ; gồm kết quả kiểm kê của các Bộ: Công thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường
PT.1.2	Kiểm kê khí nhà kính của Bộ Công thương		
		Tổ chức thực hiện kiểm kê	Đơn vị thuộc Bộ Công thương thực hiện kiểm kê
		Năm công bố	Năm công bố báo cáo kết quả kiểm kê
		Năm được kiểm kê	Năm có số liệu được thu thập phục vụ kiểm kê
		KNK được kiểm kê	CO ₂ , CH ₄ , N ₂ O, HFC và Tổng CO ₂ đ
		Tổng KNK phát thải	Đơn vị tính: tấn CO ₂ đ
		NĂNG LƯỢNG	
		Đốt nhiên liệu	
		Công nghiệp năng lượng	Đơn vị tính: tấn CO ₂ đ; Gồm kết quả kiểm kê của các tiểu lĩnh vực: + Sản xuất điện và nhiệt điện

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
			+ Lọc hóa dầu + Sản xuất nhiên liệu rắn + Chế biến khí + Ngành công nghiệp năng lượng khác
		Công nghiệp sản xuất	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ; Gồm kết quả kiểm kê của các tiểu lĩnh vực: + Sản xuất sắt thép + Sản xuất hóa chất, hóa dầu + Sản xuất giấy, bột giấy và in ấn + Sản xuất thực phẩm, đồ uống, thuốc lá + Sản xuất khoáng phi kim + Sản xuất thiết bị vận tải + Sản xuất thiết bị máy móc + Khai khoáng + Sản xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ + Dệt may và đồ da + Công nghiệp không xác định
		Lĩnh vực khác	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ; Gồm kết quả kiểm kê của các tiểu lĩnh vực: + Thương mại, dịch vụ + Dân dụng
		<i>Phát tán từ nhiên liệu</i>	

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		Khai thác than	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ; Gồm kết quả kiểm kê của các tiểu lĩnh vực: + Khai thác than hầm lò + Khai thác than lộ thiên
		Khai thác dầu và khí tự nhiên	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ; Gồm kết quả kiểm kê của các tiểu lĩnh vực: + Khai thác dầu + Khai thác khí tự nhiên
		<i>Quá trình công nghiệp</i>	
		Công nghiệp hóa chất	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ; Gồm kết quả kiểm kê của các tiểu lĩnh vực: + Sản xuất Amoniac + Sản xuất axit Nitric
		Sản xuất thép	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ;
		Sử dụng chất chữa cháy (HFCs)	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ Kết quả với các khí HFC riêng rẽ
		Phương pháp kiểm kê	Mô tả phương pháp kiểm kê đã sử dụng, đính kèm tệp báo cáo với các thông tin và số liệu liên quan
		Số liệu hoạt động	Tệp báo cáo chi tiết đính kèm chứa thông tin về dữ liệu liên quan
		Hệ số phát thải và các thông số khác	Tệp báo cáo chi tiết đính kèm chứa thông tin về dữ liệu liên quan
PT.1.3	Kiểm kê KNK của Bộ Xây dựng (lĩnh vực GTVT)		

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		Tổ chức thực hiện kiểm kê	Đơn vị thuộc Bộ Xây dựng thực hiện kiểm kê
		Năm công bố	Năm công bố báo cáo kết quả kiểm kê
		Năm được kiểm kê	Năm có số liệu được thu thập phục vụ kiểm kê
		KNK được kiểm kê	CO ₂ , CH ₄ , N ₂ O, HFC và Tổng CO ₂ tđ
		Tổng KNK phát thải	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		GIAO THÔNG VẬN TẢI	
		<i>Các hoạt động tiêu thụ năng lượng</i>	
		Giao thông hàng không	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		Giao thông đường bộ	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		Giao thông đường sắt	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		Giao thông đường thủy	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		Phương pháp kiểm kê	Mô tả phương pháp kiểm kê đã sử dụng, đính kèm tệp báo cáo với các thông tin và số liệu liên quan
		Số liệu hoạt động	Tệp báo cáo chi tiết đính kèm chứa thông tin về dữ liệu liên quan
		Hệ số phát thải và các thông số khác	Tệp báo cáo chi tiết đính kèm chứa thông tin về dữ liệu liên quan
PT.1.4	Kiểm kê KNK của Bộ Xây dựng (lĩnh vực IPPU)		
		Tổ chức thực hiện kiểm kê	Đơn vị thuộc Bộ Xây dựng thực hiện kiểm kê
		Năm công bố	Năm công bố báo cáo kết quả kiểm kê
		Năm được kiểm kê	Năm có số liệu được thu thập phục vụ kiểm kê
		KNK được kiểm kê	CO ₂ , CH ₄ , N ₂ O, HFC và Tổng CO ₂ tđ

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		Tổng KNK phát thải	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		Quá trình công nghiệp trong sản xuất vật liệu xây dựng	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ; Gồm kết quả kiểm kê của các tiểu lĩnh vực: + Quá trình sản xuất xi măng + Quá trình sản xuất vôi + Quá trình sản xuất thủy tinh
		Tiêu thụ năng lượng trong xây dựng	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		Phương pháp kiểm kê	Mô tả phương pháp kiểm kê đã sử dụng, đính kèm tệp báo cáo với các thông tin và số liệu liên quan
		Số liệu hoạt động	Tệp báo cáo chi tiết đính kèm chứa thông tin về dữ liệu liên quan
		Hệ số phát thải và các thông số khác	Tệp báo cáo chi tiết đính kèm chứa thông tin về dữ liệu liên quan
PT.1.5	Kiểm kê KNK của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (lĩnh vực AFOLU)		
		Tổ chức thực hiện kiểm kê	Đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện kiểm kê
		Năm công bố	Năm công bố báo cáo kết quả kiểm kê
		Năm được kiểm kê	Năm có số liệu được thu thập phục vụ kiểm kê
		KNK được kiểm kê	CO ₂ , CH ₄ , N ₂ O, HFC và Tổng CO ₂ tđ
		Tổng KNK phát thải	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		Chăn nuôi	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ; Gồm kết quả kiểm kê của các tiểu lĩnh vực:

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
			+ Tiêu hóa thức ăn + Quản lý chất thải vật nuôi
		Đất	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ; Gồm kết quả kiểm kê của các tiểu lĩnh vực: + Đất trồng trọt + Đất cỏ + Đất ngập nước + Đất ở + Đất khác
		Các nguồn khác	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ; Gồm kết quả kiểm kê của các tiểu lĩnh vực: + Đốt sinh khối + Sử dụng vôi trong canh tác + Bón phân Ure + N₂O trực tiếp của đất + N₂O gián tiếp của đất + N₂O gián tiếp của quản lý chất thải vật nuôi + Canh tác lúa
		Tiêu thụ năng lượng	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ; Gồm kết quả kiểm kê của các tiểu lĩnh vực: + Tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp + Tiêu thụ năng lượng trong lâm nghiệp

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
			+ Tiêu thụ năng lượng trong thủy sản
		Phương pháp kiểm kê	Mô tả phương pháp kiểm kê đã sử dụng, đính kèm tệp báo cáo với các thông tin và số liệu liên quan
		Số liệu hoạt động	Tệp báo cáo chi tiết đính kèm chứa thông tin về dữ liệu liên quan
		Hệ số phát thải và các thông số khác	Tệp báo cáo chi tiết đính kèm chứa thông tin về dữ liệu liên quan
PT.1.6	Kiểm kê KNK của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (lĩnh vực Quản lý Chất thải)		
		Tổ chức thực hiện kiểm kê	Đơn vị thuộc Bộ Xây dựng thực hiện kiểm kê
		Năm công bố	Năm công bố báo cáo kết quả kiểm kê
		Năm được kiểm kê	Năm có số liệu được thu thập phục vụ kiểm kê
		KNK được kiểm kê	CO ₂ , CH ₄ , N ₂ O, HFC và Tổng CO ₂ tđ
		Tổng KNK phát thải	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		Phát thải từ chôn lấp chất thải rắn	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ; Gồm kết quả kiểm kê của các tiểu lĩnh vực: + Bãi chôn lấp chất thải rắn được quản lý + Bãi chôn lấp chất thải rắn không được quản lý + Bãi chôn lấp chất thải rắn không được phân loại
		Phát thải từ xử lý chất thải rắn bằng phương pháp sinh học	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		Phát thải từ thiêu đốt và đốt lộ thiên chất thải	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ;

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
			Gồm kết quả kiểm kê của các tiểu lĩnh vực: + Thiêu đốt chất thải + Đốt lộ thiên chất thải
			Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
			Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		Xử lý và xả thải nước thải	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ; Gồm kết quả kiểm kê của các tiểu lĩnh vực: + Xử lý và xả thải nước thải sinh hoạt + Xử lý và xả thải nước thải công nghiệp
			Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
			Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		Phương pháp kiểm kê	Tập báo cáo chi tiết đính kèm chứa thông tin về phương pháp và dữ liệu liên quan
		Số liệu hoạt động	Tập báo cáo chi tiết đính kèm chứa thông tin về dữ liệu liên quan
		Hệ số phát thải và các thông số khác	Tập báo cáo chi tiết đính kèm chứa thông tin về dữ liệu liên quan
PT.1.7	Cơ sở phải kiểm kê KNK		
		Tên cơ sở	Tên cơ sở được đăng ký chính thức
		Địa chỉ	Địa chỉ của cơ sở
		Ngành nghề kinh doanh	Loại hình kinh doanh, ngành nghề đăng ký hoạt động của cơ sở
		Bộ quản lý	Các bộ: Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường
		Tiêu thụ năng lượng	Tiêu thụ năng lượng tính theo TOE

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		Xử lý chất thải	Công suất xử lý tính theo tấn/năm (áp dụng cho cơ sở thuộc lĩnh vực xử lý chất thải)
		Căn cứ xác định	Số Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, số phụ lục, số thứ tự
PT.1.8	Kết quả kiểm kê KNK của cơ sở		
		Tên cơ sở	Tên cơ sở được đăng ký chính thức
		Địa chỉ	Địa chỉ của cơ sở
		Giấy phép hoạt động	Số giấy phép, ngày cấp, nơi cấp
		Người đại diện của cơ sở	
		Năm nộp báo cáo	Năm báo cáo được nộp cho cơ quan quản lý
		Năm kiểm kê	Năm lấy số liệu kiểm kê
		Ngành nghề kinh doanh	Loại hình kinh doanh, ngành nghề đăng ký hoạt động của cơ sở
		Căn cứ xác định	Số Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, số phụ lục, số thứ tự
		Bộ quản lý	Bộ quản lý lĩnh vực hoạt động của cơ sở
		Cơ sở hạ tầng, công nghệ sản xuất	Thông tin mô tả cơ sở hạ tầng, công nghệ sản xuất
		Các nguồn phát thải	Liệt kê nguồn phát thải KNK trong phạm vi hoạt động của cơ sở
		Các nguồn hấp thụ	Liệt kê nguồn hấp thụ, nếu có
		KNK được kiểm kê	CO ₂ , CH ₄ , N ₂ O, HFC và Tổng CO ₂ đ
		Kết quả kiểm kê của cơ sở	Đơn vị tính: tấn CO ₂ đ
		Phương pháp kiểm kê	Mô tả phương pháp kiểm kê đã sử dụng, đính kèm tệp báo cáo với các thông tin và số liệu liên quan

2. Hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
GN.2.1	Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các bộ, ngành		Điều 7, Nghị định 06 (Sửa đổi tại ND 119)
		Tên lĩnh vực	Lĩnh vực: năng lượng, nông nghiệp, sử dụng đất và lâm nghiệp, quản lý chất thải, các quá trình công nghiệp (IP)
		Bộ quản lý lĩnh vực	Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng
		Giai đoạn của kế hoạch	Đến năm 2030
		Mục tiêu giảm phát thải không điều kiện của lĩnh vực trong cả giai đoạn	Mục tiêu giảm phát thải không có điều kiện đặt ra cho lĩnh vực trong giai đoạn thực hiện của kế hoạch (chia tới từng năm);
		Mục tiêu giảm nhẹ phát thải có hỗ trợ quốc tế của lĩnh vực trong cả giai đoạn	Mục tiêu giảm phát thải có sự hỗ trợ thêm của quốc tế cho lĩnh vực theo từng năm trong giai đoạn thực hiện của kế hoạch (chia tới từng năm);
		Các biện pháp giảm nhẹ áp dụng trong lĩnh vực	Danh sách các biện pháp giảm nhẹ phát thải trong lĩnh vực, được quy định trong NDC
		Mục tiêu giảm phát thải của biện pháp giảm nhẹ không điều kiện	Mục tiêu đặt ra cho biện pháp giảm nhẹ trong mỗi năm của giai đoạn, không đi kèm điều kiện
		Mục tiêu giảm phát thải của biện pháp giảm nhẹ có sự hỗ trợ bổ sung của quốc tế	Mục tiêu đặt ra cho biện pháp giảm nhẹ trong mỗi năm của giai đoạn, khi có thêm sự hỗ trợ của quốc tế
		Đường phát thải cơ sở của lĩnh vực	Đường phát thải cơ sở cho giai đoạn thực hiện kế hoạch
		Mô tả phương pháp xây dựng kịch bản phát triển thông	Kịch bản cho tới năm 2030 và dự phóng mức phát thải cho từng năm

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		thường (BAU)	
		Mô tả tiềm năng giảm phát thải KNK của lĩnh vực	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Mô tả biện pháp, hoạt động giảm phát thải của lĩnh vực	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Mô tả phương thức thực hiện các biện pháp, hoạt động giảm phát thải của lĩnh vực	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Mô tả kế hoạch, nguồn lực, lộ trình thực hiện các biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải của lĩnh vực	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Mô tả các biện pháp giám sát, đánh giá việc triển khai kế hoạch	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Mô tả cách thức tổ chức, thực hiện kế hoạch	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
GN.2.2	Kế hoạch giảm phát thải KNK của cơ sở		
		Tên cơ sở	Tên cơ sở được đăng ký chính thức
		Địa chỉ	Địa chỉ của cơ sở trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
		Giấy phép hoạt động	Số giấy phép, ngày cấp, nơi cấp
		Người đại diện của cơ sở	Đúng theo giấy phép được cấp
		Năm báo cáo	Năm nộp kế hoạch của cơ sở
		Ngành nghề kinh doanh	Loại hình kinh doanh, ngành nghề đăng ký hoạt động của cơ sở

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		Bộ quản lý	Bộ quản lý lĩnh vực hoạt động của cơ sở; các Bộ: Công thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường
		Kết quả kiểm kê KNK của cơ sở	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ; trình bày kết quả kiểm kê khí nhà kính đã được nêu trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính của cơ sở
		Mức phát thải cơ sở dự kiến	Ước tính mức phát thải cơ sở của đơn vị (theo kịch bản phát triển thông thường) cho từng năm và cho toàn thời kỳ
		Mục tiêu giảm phát thải	Mục tiêu giảm phát thải cho từng năm
		Mô tả phương pháp	Mô tả chi tiết phương pháp, số liệu đầu vào, xác định mức phát thải cơ sở dự kiến trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Biện pháp, hoạt động giảm phát thải	Mô tả biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Phương thức thực hiện biện pháp, hoạt động giảm phát thải	Mô tả phương thức thực hiện các biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Phương pháp đo đặc lượng giảm phát thải	Mô tả chi tiết phương pháp đo đặc lượng giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Biện pháp giám sát, đánh giá quá trình thực hiện	Mô tả việc giám sát, đánh giá các biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Chế độ báo	Mô tả chế độ báo cáo theo quy định hiện hành
GN.2.3	Kết quả giảm phát thải khí nhà kính của lĩnh vực		
		Tên lĩnh vực	Tham khảo tại mã thông tin GN.2.1
		Mục tiêu chung của lĩnh vực	Tham khảo tại mã thông tin GN.2.1
		Đường phát thải cơ sở của lĩnh	Ước tính phát thải theo kịch bản phát triển thông thường (BAU) cho năm

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		vực	thực hiện
		Biện pháp giảm nhẹ	Cung cấp các thông tin kỹ thuật và kết quả giảm nhẹ phát thải sau khi thực hiện
		+ Tên biện pháp	Tên Biện pháp giảm nhẹ được tham khảo trong NDC
		+ Mục tiêu giảm nhẹ định lượng	Ước tính ban đầu của đơn vị thực hiện; Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		+ Thời gian thực hiện	Năm của kế hoạch của đơn vị thực hiện
		+ Phạm vi thực hiện	Mô tả phạm vi
		+ Mức phát thải cơ sở cho biện pháp	Mức phát thải cơ sở của biện pháp vào năm thực hiện; Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		+ Phương pháp đo đạc	Tên và mã phương pháp trong hệ thống được công nhận
		+ Tổ chức đo đạc	Tên tổ chức
		+ Địa chỉ tổ chức thực hiện đo đạc	Đường phố, xã/phường, tỉnh/thành phố
		+ Tổ chức thực hiện báo cáo kết quả đo đạc	Tên tổ chức, địa chỉ
		+ Địa chỉ tổ chức thực hiện báo cáo	Đường phố, xã/phường, tỉnh/thành phố
		+ Tổ chức thực hiện thẩm định báo cáo kết quả đo đạc	Tên tổ chức, địa chỉ
		+ Địa chỉ tổ chức thực hiện thẩm định	Đường phố, xã/phường, tỉnh/thành phố
		+ Mô tả quy trình đo đạc báo cáo thẩm định	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		+ Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		Kết quả giảm nhẹ phát thải của cả lĩnh vực	Tổng các biện pháp giảm nhẹ trong lĩnh vực; Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		Hoạt động giám sát, đánh giá	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Khó khăn, kiến nghị, đề xuất	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
GN.2.5	Kết quả giảm nhẹ của cơ sở		
		Tên cơ sở	Tên cơ sở được đăng ký chính thức
		Địa chỉ	Đường phố, xã/phường, tỉnh/thành phố
		Giấy phép hoạt động	Số giấy phép, ngày cấp, nơi cấp
		Người đại diện của cơ sở	Đúng theo giấy phép được cấp
		Năm thực hiện giảm phát thải	Năm bắt đầu triển khai các hoạt động
		Loại hình kinh doanh	Loại hình kinh doanh, ngành nghề đăng ký hoạt động của cơ sở
		Bộ quản lý	Bộ quản lý lĩnh vực hoạt động của cơ sở
		Cơ sở hạ tầng, công nghệ sản xuất	Thông tin mô tả cơ sở hạ tầng, công nghệ sản xuất
		Các nguồn phát thải khí nhà kính	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Các nguồn hấp thụ khí nhà kính	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Các loại KNK phát thải	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Mức phát thải khí nhà kính theo Kịch bản phát triển thông	Lượng phát thải KNK nếu không thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		thường	thải; Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		Các biện pháp giảm nhẹ đã áp dụng	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Mô tả phương pháp tính mức giảm phát thải	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Mô tả phương pháp thu thập số liệu	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp tin
		Kết quả thu thập số liệu hoạt động	Khối lượng và đơn vị tính
		Kết quả giảm phát thải KNK trong năm	Đơn vị tính: tấn CO ₂ tđ
		Độ tin cậy, mức độ không chắc chắn của kết quả giảm nhẹ	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp
		So sánh với mục tiêu trong kế hoạch giảm nhẹ của cơ sở	Mô tả trong trường thông tin hoặc đính kèm tệp
GN.2.6	Chương trình, dự án trao đổi bù trừ tín chỉ các-bon		
		Tên chủ dự án	Tên chủ dự án được đăng ký chính thức
		Địa chỉ	Đường phố, xã/phường, tỉnh/thành phố
		Tên dự án	Tên chương trình/dự án
		Tên cơ chế đăng ký tín chỉ các-bon	Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon áp dụng cho chương trình/dự án
		Lĩnh vực hoạt động	Tên lĩnh vực hoạt động của chương trình/dự án
		Phương pháp tạo tín chỉ các-	Tên phương pháp đã được công nhận (kèm theo mã nhận dạng của

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		bon	phương pháp)
		Thời điểm dự án được công nhận	Thời điểm được công nhận là chương trình/dự án theo cơ chế nói trên
		Giai đoạn nhận tín chỉ của dự án	Giai đoạn nhận tín chỉ của chương trình, dự án
		Tổng lượng tín chỉ các-bon dự kiến được cấp	Tổng lượng tín chỉ các-bon dự kiến được cấp cho chương trình/dự án trong giai đoạn tín dụng; Đơn vị: tín chỉ
		Tổng lượng tín chỉ các-bon đã được cấp	Tổng lượng tín chỉ các-bon đã được cấp cho chương trình/dự án. Cụ thể:
		Giai đoạn 1	Đơn vị: tín chỉ
		Giai đoạn 2	Đơn vị: tín chỉ
		Tổng lượng tín chỉ đã trao đổi	Tổng lượng tín chỉ các-bon có được từ chương trình/dự án đã được trao đổi
3. Kịch bản biến đổi khí hậu			
KB.3.1	Biến đổi các yếu tố khí hậu trong quá khứ		
		Nhiệt độ trung bình năm	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính (trong giai đoạn đánh giá, biểu diễn dạng contour màu khác nhau; kèm bảng Thay đổi nhiệt độ trung bình ở các vùng khí hậu)
		Nhiệt độ cao nhất năm	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Nhiệt độ thấp nhất năm	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Số ngày nắng nóng	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Số ngày rét đậm, rét hại	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Lượng mưa năm	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		Lượng mưa các mùa	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Số ngày mưa lớn (≥ 50 mm)	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Lượng mưa cực trị	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Bão và áp thấp nhiệt đới	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Mực nước biển	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Độ cao sóng biển	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
KB.3.2	Kịch bản biến đổi khí hậu		
		Nhiệt độ trung bình năm	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính; Hình ảnh (mức biến đổi trung bình nhiệt độ trung bình năm theo kịch bản RCP4.5 và RCP8.5)
		Nhiệt độ trung bình mùa đông	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Nhiệt độ trung bình mùa xuân	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Nhiệt độ trung bình mùa hè	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Nhiệt độ trung bình mùa thu	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Nhiệt độ tối cao trung bình năm	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Nhiệt độ tối thấp trung bình năm	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Số ngày rét đậm	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Số ngày rét hại	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Số ngày nắng nóng	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Số ngày nóng gay gắt	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Hạn hán	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Lượng mưa năm	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		Lượng mưa mùa đông	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Lượng mưa mùa xuân	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Lượng mưa mùa hè	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Lượng mưa mùa thu	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Lượng mưa mùa khô	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Lượng mưa mùa mưa	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Lượng mưa một ngày lớn nhất	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Lượng mưa năm ngày lớn nhất	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Bão và áp thấp nhiệt đới	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Gió mùa hè	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Nước biển dâng	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Độ cao sóng biển	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Nước dâng do bão	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Nước dâng do bão kết hợp thủy triều	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
		Nguy cơ ngập lụt tương ứng với các mực bước biển dâng cho kịch bản RCP2.6, RCP4.5, RCP8.5	Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
4. Kết quả đánh giá khí hậu quốc gia			
KH.4.1	Hiện trạng khí hậu trong giai đoạn đánh giá		
		Nhiệt độ	Nhiệt độ trung bình tháng (°C)

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		Lượng mưa	Tổng lượng mưa tháng (mm).
		Bốc hơi	Tổng lượng bốc hơi trung bình tháng(mm).
		Độ ẩm	Độ ẩm tương đối trung bình tháng (%).
		Số giờ nắng	Số giờ nắng trung bình tháng (giờ)
		Vận tốc gió	Vận tốc gió trung bình tháng (m/s)
		Số cơn bão, áp thấp nhiệt đới	Số cơn bão, áp thấp nhiệt đới (cơn/năm)
		Nước biển dâng	Mức độ biến đổi mực nước biển trung bình (mm/năm)
		Xâm nhập mặn	Xu thế độ mặn (‰)
		Nắng nóng	Số ngày nắng nóng (ngày/năm)
		Hạn hán	Số tháng xảy ra hạn hán (tháng/năm)
		Rét đậm	Số ngày rét đậm (ngày/năm)
		Rét hại	Số ngày rét hại (ngày/năm)
		Mưa đá	Số trận mưa đá (trận/năm)
		Sương muối	Số ngày sương muối (ngày/năm)
KH.4.2.	Dao động của khí hậu		
		Nhiệt độ	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của nhiệt độ trung bình trên phạm vi cả nước qua <i>các thời kỳ</i> Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Lượng mưa	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của lượng mưa trung bình trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Nước biển dâng	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của nước biển dâng trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
			Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Xâm nhập mặn	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của xâm nhập mặn trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Bão và áp thấp nhiệt đới	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của bão và áp thấp nhiệt đới trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Mưa lớn	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của mưa lớn trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Lũ	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của lũ trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Lũ quét và sạt lở đất	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của lũ quét và sạt lở đất trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Nắng nóng, hạn hán	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của nắng nóng, hạn hán trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Rét đậm	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của rét đậm trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Rét hại	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của rét hại trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
			Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Mưa đá	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của mưa đá trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Sương muối	Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của sương muối trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Báo cáo/bản đồ liên quan)
KH.4.3.	Mức độ phù hợp của kịch bản so với diễn biến thực tế của khí hậu		
		Nhiệt độ	Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của nhiệt độ theo các kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế của nhiệt độ; Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Gồm Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Lượng mưa	Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của lượng mưa theo các kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế của lượng mưa; Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Gồm Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Bão và áp thấp nhiệt đới	Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của bão và áp thấp nhiệt đới theo kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế của bão và áp thấp nhiệt đới; Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Gồm Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Rét đậm, rét hại	Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của rét đậm, rét hại theo kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế của rét đậm, rét hại; Chi tiết trong tệp tin đính kèm (Gồm Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Nắng nóng	Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của nắng nóng theo kịch bản

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
			biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế của nắng nóng; Chi tiết trong tập tin đính kèm (Gồm Báo cáo/bản đồ liên quan)
		Hạn hán	Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của hạn hán theo kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế hạn hán; Chi tiết trong tập tin đính kèm (Gồm Báo cáo/bản đồ liên quan)
KH.4.4.	Mức độ sử dụng kịch bản đối với hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu		
		Cấp trung ương, các bộ, ngành	Mô tả kết quả đánh giá mức độ sử dụng kịch bản đối với hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở cấp trung ương Chi tiết trong tập tin đính kèm (Báo cáo liên quan)
		Cấp địa phương	Mô tả kết quả đánh giá mức độ sử dụng kịch bản đối với hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở cấp địa phương Chi tiết trong tập tin đính kèm (Báo cáo liên quan)
5. Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội			
TĐ.5.1	Tính dễ bị tổn thương, rủi ro của BĐKH đến hệ thống tự nhiên, hệ thống kinh tế, hệ thống xã hội		(Kết quả đánh giá theo hướng dẫn của Thông tư 01/2022/TT-BTNMT)
		Tính dễ bị tổn thương, rủi ro của BĐKH đến hệ thống tự nhiên	
		Tên các loại tài nguyên trong hệ thống tự nhiên được đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro	Tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng, tài nguyên biển và hải đảo, đa dạng sinh học

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		Năm công bố	Thời gian công bố thông tin đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro của BDKH đến loại tài nguyên
		Thời gian đánh giá	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro của BDKH đến loại tài nguyên
		Phạm vi đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro	Là không gian đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro của BDKH đến loại tài nguyên (theo khu vực, địa phương)
		Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BDKH
		Mức độ dễ bị tổn thương, rủi ro	Là Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu tới loại tài nguyên, kèm các bảng thuộc tính mô tả (nếu có)
		Tính dễ bị tổn thương, rủi ro của BDKH tới hệ thống kinh tế	
		Tên các ngành trong hệ thống kinh tế được đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro	Nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng và đô thị, công nghiệp, năng lượng, thông tin và truyền thông, du lịch, thương mại và dịch vụ
		Năm công bố	Thời gian công bố thông tin đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro của BDKH đến ngành kinh tế
		Thời gian đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro tác động của BDKH đến ngành kinh tế
		Phạm vi đánh giá đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro	Là không gian đánh giá tác động của BDKH đến ngành kinh tế (theo khu vực, địa phương)
		Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BDKH
		Mức độ đánh giá tính dễ bị tổn	Là Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		thương, rủi ro	khí hậu tới ngành kinh tế, kèm các bảng thuộc tính mô tả (nếu có)
		Tính dễ bị tổn thương, rủi ro của BĐKH tới hệ thống xã hội	
		Tên các lĩnh vực trong hệ thống xã hội được đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro	Phân bố dân cư, dịch vụ y tế, nhà ở điều kiện sống, sức khỏe, văn hóa giáo dục, đối tượng dễ bị tổn thương, giới và giảm nghèo
		Năm công bố	Thời gian công bố thông tin đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro của BĐKH đến lĩnh vực trong hệ thống xã hội
		Thời gian đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro của BĐKH đến lĩnh vực trong hệ thống xã hội
		Phạm vi đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro	Là không gian đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro của BĐKH đến ngành kinh tế (theo khu vực, địa phương)
		Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
		Mức độ đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro	Là Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu tới lĩnh vực trong hệ thống xã hội, kèm các bảng thuộc tính mô tả (nếu có)
TD.5.2	Tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu tới hệ thống tự nhiên, hệ thống kinh tế, hệ thống xã hội		(Kết quả đánh giá theo hướng dẫn của Thông tư 01/2022/TT-BTNMT)
		Tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu tới hệ thống tự nhiên	
		Tên loại tài nguyên trong hệ	Tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		thống tự nhiên được đánh giá tổn thất và thiệt hại do BĐKH	rừng, tài nguyên biển và hải đảo, đa dạng sinh học
		Năm công bố	Thời gian công bố thông tin tổn thất thiệt hại đến loại tài nguyên
		Thời gian đánh giá tổn thất và thiệt hại	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tổn thất thiệt hại đến loại tài nguyên
		Phạm vi đánh giá tổn thất và thiệt hại	Là không gian đánh giá tổn thất thiệt hại đến loại tài nguyên (theo khu vực, địa phương)
		Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tổn thất thiệt hại
		Mức độ tổn thất và thiệt hại	Là thông tin về lượng tổn thất thiệt hại đối với loại tài nguyên
		Tổn thất và thiệt hại do BĐKH tới hệ thống kinh tế	
		Tên các ngành trong hệ thống kinh tế được đánh giá tổn thất và thiệt hại do BĐKH	Nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng và đô thị, công nghiệp, năng lượng, thông tin và truyền thông, du lịch, thương mại và dịch vụ
		Năm công bố	Thời gian công bố thông tin tổn thất thiệt hại đến ngành kinh tế
		Thời gian đánh giá tổn thất và thiệt hại	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tổn thất thiệt hại đến ngành kinh tế
		Phạm vi đánh giá tổn thất và thiệt hại	Là không gian đánh giá tổn thất thiệt hại đến ngành kinh tế (theo khu vực, địa phương)
		Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tổn thất thiệt hại
		Mức độ tổn thất và thiệt hại	Là thông tin về lượng tổn thất thiệt hại đối với ngành kinh tế
		Tổn thất và thiệt hại do BĐKH tới hệ thống xã hội	

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		Tên các lĩnh vực trong hệ thống xã hội được đánh giá tổn và thất thiệt hại do BĐKH	Phân bố dân cư, dịch vụ y tế, nhà ở điều kiện sống, sức khỏe, văn hóa giáo dục, đối tượng dễ bị tổn thương, giới và giảm nghèo
		Năm công bố	Thời gian công bố thông tin tổn thất thiệt hại đến lĩnh vực trong hệ thống xã hội
		Thời gian đánh giá tổn thất và thiệt hại	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tổn thất, thiệt hại đến lĩnh vực trong hệ thống xã hội
		Phạm vi đánh giá tổn thất và thiệt hại	Là không gian đánh giá tổn thất, thiệt hại đến lĩnh vực trong hệ thống xã hội (theo khu vực, địa phương)
		Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tổn thất thiệt hại
		Mức độ tổn thất và thiệt hại	Là thông tin về lượng tổn thất thiệt hại đối với lĩnh vực trong hệ thống xã hội
TD5.3.	Giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu		
		Giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia	Tra cứu thông tin liên quan đến hoạt động giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia
		Đơn vị thực hiện	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin, kết quả giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia
		Năm thực hiện đánh giá	Là thời gian thực hiện giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
		Năm công bố	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
			ứng biến đổi khí hậu
		Nội dung giám sát, đánh giá	Là những thông tin, chỉ số giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu được quy định tại QĐ 148/TTg ngày 28/01/2022
		Giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu của các Bộ	Tra cứu thông tin liên quan đến hoạt động giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp Bộ và cơ quan ngang Bộ. Bộ Quốc phòng; Công an; Ngoại giao; Nội vụ; Tư pháp; Tài chính; Công Thương; Nông nghiệp - Môi trường; Xây dựng; Văn hóa - Thể thao - Du lịch; Khoa học - Công nghệ; Giáo dục - Đào tạo; Y tế; Dân tộc và Tôn giáo.
		Đơn vị thực hiện	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin, kết quả giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp Bộ
		Năm thực hiện đánh giá	Là thời gian thực hiện giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
		Năm công bố	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
		Nội dung giám sát, đánh giá	Là những thông tin, chỉ số giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu được quy định tại QĐ 148/TTg ngày 28/01/2022
		Giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu của các địa phương	Tra cứu thông tin liên quan đến hoạt động giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp địa phương (khoảng 34 tỉnh/thành phố)
		Đơn vị thực hiện	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin, kết quả giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp địa phương
		Năm thực hiện đánh giá	Là thời gian thực hiện giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
		Năm công bố	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
			ứng biến đổi khí hậu
		Nội dung giám sát, đánh giá	Là những thông tin, chỉ số giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu được quy định tại QĐ 148/TTg ngày 28/01/2022
TD5.4	Tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu		
		Tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia	Tra cứu thông tin liên quan đến tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia
		Đơn vị thực hiện	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu
		Năm công bố	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
		Tình hình thực hiện	Các nội dung về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia theo Công văn số....
		Tình hình thực hiện quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu của các bộ, cơ quan ngang bộ	Tra cứu thông tin liên quan đến tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cấp Bộ
		Đơn vị thực hiện	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu
		Năm công bố	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
		Tình hình thực hiện	Các nội dung về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia theo Công văn số....

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		Tình hình thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu của các địa phương	Tra cứu thông tin liên quan đến tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cấp địa phương
		Đơn vị thực hiện	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu
		Năm công bố	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
		Tình hình thực hiện	Các nội dung về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia theo Công văn số....
6. Bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn			
OZ.6.1.	Danh mục các chất được kiểm soát		
		Danh mục các chất cấm sản xuất, nhập khẩu	
		Tên chất được kiểm soát	Là tên các chất cấm sản xuất, nhập khẩu
		Hỗn hợp chất được kiểm soát	Là tên các hỗn hợp chất cấm sản xuất, nhập khẩu
		Thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc được sản xuất từ chất được kiểm soát	Là tên các thiết bị, sản phẩm có chứa chất được kiểm soát, cấm sản xuất, nhập khẩu
		Mô tả chi tiết	Là thông tin mô tả về chủng loại hàng hóa có chứa chất được kiểm soát
		Tên chất (tiền tố và ký hiệu)	Là danh sách tên các chất cấm sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ
		Tên hóa học	Là ký hiệu hóa học tên các chất cấm sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ
		Công thức hóa học	Là ký hiệu mô tả tên hóa học của chất cấm sản xuất, nhập khẩu và tiêu

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
			thụ
		Số hiệu môi chất lạnh	Là ký hiệu mã hóa môi chất lạnh
		Mã hàng hóa (HS)	Là mã số của chất/hỗn hợp/thiết bị, sản phẩm
		Mã hóa chất (CAS)	Là mã số của loại hóa chất sử dụng trong hàng hóa
		Tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP)	Là các chỉ số mặc định về tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn
		Tiềm năng nóng lên toàn cầu (GWP)	Là các chỉ số mặc định về tiềm năng làm nóng lên toàn cầu
		Danh mục các chất làm suy giảm tầng ô-dôn được kiểm soát	
		Mã hàng hóa (HS)	Là mã số của chứa chất làm suy giảm tầng ô dôn
		Mã hóa chất (CAS)	Là mã số của loại hóa chất
		Mô tả hàng hóa	Là thông tin mô tả tên thương mại của chất
		Tên chất (tiền tố và ký hiệu)	Là tên các chất làm suy giảm tầng ô dôn
		Tên hóa học	Là ký hiệu hóa học tên các chất làm suy giảm tầng ô dôn cần được kiểm soát
		Công thức hóa học	Là ký hiệu mô tả tên hóa học của chất làm suy giảm tầng ô dôn cần được kiểm soát
		Số hiệu môi chất lạnh	Là ký hiệu mã hóa môi chất lạnh
		Tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP)	Là các chỉ số về tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn
		Tiềm năng nóng lên toàn cầu (GWP)	Là các chỉ số về tiềm năng làm nóng lên toàn cầu

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		Quy định quản lý	Là các nội dung quy định quản lý liên quan
		Danh mục các chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát	
		Mã hàng hóa (HS)	Là mã số của chất gây hiệu ứng nhà kính
		Mã hóa chất (CAS)	Là mã số của loại hóa chất
		Mô tả hàng hóa	Là thông tin mô tả về tên thương mại của chất
		Tên chất (tiền tố và ký hiệu)	Là danh sách tên các chất gây hiệu ứng nhà kính
		Tên hóa học	Là ký hiệu hóa học tên các chất gây hiệu ứng nhà kính
		Công thức hóa học	Là ký hiệu mô tả tên hóa học của chất gây hiệu ứng nhà kính
		Số hiệu môi chất lạnh	Là ký hiệu mã hóa môi chất lạnh
		Tiềm năng nóng lên toàn cầu (GWP)	Là các chỉ số về tiềm năng làm nóng lên toàn cầu
		Quy định quản lý	Là các nội dung quy định quản lý liên quan
OZ.6.2	Danh mục các tổ chức về đăng ký sử dụng chất được kiểm soát		
		Danh mục tổ chức	Là danh mục các tổ chức bao gồm 1. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu; 2. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa chất được kiểm soát; 3. Tổ chức sở hữu thiết bị có chứa chất được kiểm soát; 4. Tổ chức thug om, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát.
		Năm công bố	Là thời gian thực hiện công bố việc hoàn thành đăng ký sử dụng chất được kiểm soát của các tổ chức trên Website điện tử của Bộ NNMT
		Tên doanh nghiệp/Đơn vị công bố	Là tên tổ chức hoàn thành đăng ký sử dụng chất được kiểm soát.

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		Mã số doanh nghiệp	Là mã số đăng ký của doanh nghiệp
		Nội dung thông tin đăng ký	Là những thông tin về việc đăng ký sử dụng các chất được kiểm soát của các tổ chức thuộc các lĩnh vực
OZ.6.3	Dữ liệu về báo cáo sử dụng chất được kiểm soát của các tổ chức		
		Danh mục tổ chức	Là danh mục các tổ chức bao gồm 1. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu; 2. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa chất được kiểm soát; 3. Tổ chức sở hữu thiết bị có chứa chất được kiểm soát; 4. Tổ chức thug om, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát.
		Thời gian nộp báo cáo	Là thời gian thực hiện công bố báo cáo
		Tên doanh nghiệp/ Đơn vị thực hiện	Là tên tổ chức tổ chức nộp báo cáo về việc sử dụng chất được kiểm soát.
		Nội dung thông tin/Tình trạng báo cáo	Là những thông tin về Tình hình sử dụng chất được kiểm soát dành cho tổ chức thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát
OZ.6.4	Danh sách phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch nhập khẩu các chất được kiểm soát		
		Danh sách tổ chức được phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất được kiểm soát	Là danh sách các tổ chức được phân bổ hạn ngạch
		Năm thực hiện	Là thời gian thực hiện phân bổ
		Đơn vị thực hiện	Là tên đơn vị thực hiện xây dựng và công bố báo cáo
		Thông tin về hạn ngạch hạn	Là các thông tin về tổng hạn ngạch được phân bổ cho các tổ chức

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		ngạch	
		Lượng hạn ngạch phân bổ cho từng tổ chức	Là lượng hạn ngạch phân bổ cho từng tổ chức theo quyết định phân bổ
		Danh sách tổ chức được điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch nhập khẩu các chất được kiểm soát	Là danh sách các tổ chức được điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch
		Năm thực hiện	Là thời gian thực hiện điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch
		Đơn vị thực hiện	Là tên đơn vị thực hiện xây dựng và công bố báo cáo
		Thông tin về hạn ngạch hạn ngạch	Là các thông tin về tổng hạn ngạch được phân bổ cho các tổ chức
		Lượng hạn ngạch điều chỉnh, bổ sung cho từng tổ chức	Là lượng hạn ngạch phân bổ cho từng tổ chức theo quyết định điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch
OZ.6.6	Báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Montreal		
		Tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (các chất HCFC và Methyl bromide) qua các năm (tấn ODP)	Số liệu hiện có từ 2020 đến 2024
		Tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất HFC qua các năm (tấn CO2 tương đương).	Số liệu hiện có từ 2023, 2024.

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
7. Nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn			
NL.7.1.	Công tác đào tạo, tập huấn		
		Tên lớp tập huấn	Tên đầy đủ của khóa, lớp ...
		Loại hình	Đào tạo, tập huấn
		Địa điểm	Trong nước, quốc tế (tên quốc gia)
		Lĩnh vực	Kiểm kê, Giảm nhẹ, Thích ứng, Thị trường các-bon
		Số cán bộ tham dự	
		Thời gian đào tạo	
NL.7.2.	Nguồn nhân lực		
		Cán bộ làm việc trong các cơ quan trung ương về BĐKH	Tên tổ chức, tổng số cán bộ trong tổ chức, số có bằng TS, số có bằng ThS, số có bằng CN/ĐH
		Cán bộ làm việc trong các cơ quan địa phương về BĐKH	Tên địa phương, tổng số cán bộ, số có bằng TS, số có bằng ThS, số có bằng CN/ĐH
NL.7.3.	Ngân sách trung ương cho ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn		Tên đầy đủ loại đầu tư, chi tiêu... Tên loại đầu tư, chi tiêu từ NSNN cấp phát cho biến đổi khí hậu, từ nguồn vốn vay nước ngoài (ODA) cho biến đổi khí hậu, từ nguồn vốn ngoài NSNN (bao gồm nguồn vốn tư nhân) cho biến đổi khí hậu, dự án tín dụng cho biến đổi khí hậu
		Năm	
		Ngân sách chi cho BĐKH	Tên cơ quan, SNMT, KHCN, HTQT, Nguồn khác
NL.7.4.	Ngân sách địa phương cho ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn		

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		Năm	
		Ngân sách tỉnh/thành phố chi cho BDKH	Tên địa phương, Chi SNMT, Chi KHCN, HTQT, Nguồn khác
8. Hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn			
QT.8.1	Điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên		
		Tên gọi Điều ước	Tên Điều ước
		Trích yếu	Tên đầy đủ của Điều ước
		Danh nghĩa ký kết Điều ước	Danh nghĩa ký kết Điều ước (Nhà nước, Chính phủ)
		Ngôn ngữ ký kết	Ngôn ngữ ký kết của Điều ước
		Ngày ký kết	Ngày ký kết của Điều ước
		Ngày phê chuẩn	Ngày phê chuẩn Điều ước
		Ngày hiệu lực	Ngày hiệu lực của Điều ước
		Nội dung chính	Tóm tắt nội dung chính của Điều ước
QT.8.2	Dự án hợp tác quốc tế		
		Tên dự án hợp tác quốc tế (hỗ trợ kỹ thuật, tăng cường năng lực...)	Tên đầy đủ dự án
		Nhà tài trợ	Tên Nhà tài trợ
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Tên cơ quan chủ trì thực hiện
		Thời gian thực hiện	Thời gian thực hiện
		Ngân sách	Ngân sách tài trợ

Mã thông tin	Đối tượng quản lý	Trường thông tin, dữ liệu	Mô tả
		Nội dung chính	Tóm tắt nội dung chính của dự án
QT.8.3	Thỏa thuận quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên		
		Tên gọi	Tên Thỏa thuận
		Trích yếu	Tên đầy đủ của Thỏa thuận
		Ngôn ngữ ký kết	Ngôn ngữ ký kết của Thỏa thuận
		Cơ quan ký kết phía quốc tế	Tên cơ quan ký kết phía quốc tế
		Cơ quan ký kết phía Việt Nam	Tên cơ quan ký kết phía Việt Nam
		Ngày ký kết	Ngày ký kết của Thỏa thuận
		Ngày hiệu lực	Ngày hiệu lực của Điều ước
		Nội dung chính	Tóm tắt nội dung chính của Thỏa thuận